

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THĂNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A1

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400013	ĐẶNG THỊ HỒNG	ANH	X	15/02/2006	9,5	8,5	6,0	9,0	
2	T2400043	TRỊNH THỊ NGỌC	ANH	X	19/08/2006	10,0	8,5	5,5	9,5	
3	T2400081	TRẦN THỊ KIM	CHI	X	08/07/2006	9,0	8,0	3,0	6,5	
4	T2400140	LÊ THÀNH	ĐẠT		13/08/2006	9,0	4,5	5,5	5,0	
5	T2400155	NGUYỄN HẢI	ĐĂNG		19/01/2006	8,5	3,5	7,5	10,0	
6	T2400159	TRẦN HẢI	ĐĂNG		14/06/2006	10,0	7,5	7,5	10,0	
7	T2400167	TRƯƠNG THỊ HỒNG	ĐÌNH	X	30/04/2005	8,5	7,5	6,0	7,0	
8	T2400186	PHAN THỊ HẠNH	GIAO	X	24/01/2006	9,5	8,0	5,5	7,5	
9	T2400213	ĐẶNG LÂM THANH	HẠO		13/03/2006	8,0	7,0	5,0	7,0	
10	T2400229	HUỖNH THỊ KIM	HẬU	X	12/02/2006	9,5	8,0	4,5	9,0	
11	T2400325	NGUYỄN VIỆT	KHÁI		10/06/2006	9,5	7,5	8,5	9,5	
12	T2400329	ĐINH THANH	KHANG		02/05/2006	6,0	5,5	4,0	9,0	
13	T2400351	PHẠM VĂN	KHANH		10/04/2006	10,0	8,0	5,0	10,0	
14	T2400384	LÝ HỒNG	LAM		22/12/2006	9,0	7,0	4,5	9,0	
15	T2400418	PHẠM TRÚC	LINH	X	16/10/2006	8,0	6,5	4,0	9,0	
16	T2400443	BÙI KIM	LUYẾN	X	27/06/2006	6,5	8,0	5,0	6,5	
17	T2400444	HUỖNH TẤN	LỤC		30/05/2006	9,5	6,0	4,5	7,0	
18	T2400451	LÊ MINH	LÝ		07/05/2006	9,5	9,0	6,5	9,0	
19	T2400474	TRẦN THỊ	MUỘI	X	04/01/2006	10,0	8,5	5,5	9,5	
20	T2400486	CHAU KA RA	NA		10/07/2004	6,5	7,5	4,5	7,5	
21	T2400495	NGUYỄN VĂN	NO		09/12/2006	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
22	T2400516	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	X	12/09/2006	9,5	7,5	3,5	8,0	
23	T2400598	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	X	04/01/2006	9,5	8,5	8,5	9,5	
24	T2400643	NGUYỄN TRUNG	NHỰT		29/09/2006	7,5	6,5	4,5	9,5	
25	T2400661	ĐẶNG NGUYỄN	PHÚ		16/12/2006	6,5	5,5	3,5	9,5	
26	T2400689	VÕ HỒNG HUY	QUANG		12/11/2006	9,5	7,5	6,5	5,5	
27	T2400738	PHÙ MỸ	TÂM	X	09/10/2006	8,5	7,0	7,5	9,0	
28	T2400748	NGUYỄN THỊ KIM	TIẾN	X	29/03/2006	10,0	7,5	5,5	9,5	
29	T2400757	LÊ VĂN NHỰT	TÌNH		19/06/2006	10,0	7,5	6,5	9,5	
30	T2400774	NGUYỄN ĐẠT	TỚI		09/04/2006	8,0	8,0	7,0	9,5	
31	T2400779	NGUYỄN TUẤN	TỬ		11/08/2006	9,5	8,5	7,5	9,5	
32	T2400810	LÊ PHƯỚC HOÀI	THANH		18/12/2006	9,5	5,5	4,5	7,0	
33	T2400834	NGUYỄN VĂN	THẬT		11/02/2006	9,5	7,5	5,5	6,5	
34	T2400844	NGUYỄN TRÍ	THIỆN		01/01/2006	9,5	7,5	4,0	9,5	
35	T2400845	PHẠM VŨ	THIỆN		08/04/2006	9,5	7,0	4,5	9,5	
36	T2400862	NGUYỄN SONG	THƠ		15/01/2006	10,0	7,5	7,5	9,5	
37	T2400945	NGUYỄN THỊ BẢO	TRẦN	X	07/03/2006	10,0	9,0	6,5	9,5	
38	T2400974	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	X	16/07/2006	10,0	8,0	7,0	7,0	
39	T2401012	TRẦN XUÂN	VĨNH		03/10/2006	9,5	7,5	6,0	7,5	
40	T2401036	LÊ PHÚC	XUÂN		02/10/2006	10,0	8,5	4,0	9,0	
41	T2401052	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	X	12/07/2006	10,0	8,5	2,5	9,0	

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THĂNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A2

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400077	TẠ NGỌC	CHÂU	X	30/05/2006	9,5	8,0	5,5	9,5	
2	T2400130	PHAN THỊ HỒNG	ĐÀO	X	26/10/2006	10,0	7,5	8,5	9,5	
3	T2400233	PHẠM TẤN	HẬU		18/08/2006	9,0	7,0	4,0	9,0	
4	T2400247	NGUYỄN HUY	HIẾU		22/12/2006	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
5	T2400255	PHẠM THỊ Ý	HON	X	07/02/2006	8,5	8,5	4,0	6,0	
6	T2400261	NGUYỄN THỊ MỸ	HUỆ	X	24/02/2006	8,5	8,0	5,0	5,5	
7	T2400263	CHUNG QUỐC	HUY		16/05/2006	5,5	7,0	5,5	9,0	
8	T2400273	LÊ THỊ LỆ	HUYỀN	X	12/10/2006	8,0	6,5	3,5	6,0	
9	T2400280	ĐẶNG	HUYỀNH		11/01/2006	9,0	5,0	7,0	9,5	
10	T2400281	HỒ MAI	HUYỀNH	X	15/04/2006	9,5	6,5	3,5	7,0	
11	T2400303	NGUYỄN TUẤN	KIỆT		28/12/2006	8,0	8,0	6,5	7,5	
12	T2400304	NGUYỄN TUẤN	KIỆT		12/07/2006	9,5	7,0	6,5	10,0	
13	T2400367	DƯƠNG ĐĂNG	KHOA		05/04/2005	9,0	7,0	4,0	9,5	
14	T2400506	LƯƠNG THANH	NGÂN	X	05/05/2006	6,5	6,5	3,5	9,5	
15	T2400550	VÕ THỊ KIM	NGỌC	X	18/11/2006	9,5	7,5	5,5	7,5	
16	T2400570	VÕ THANH	NGUYỄN		29/11/2006	9,0	7,5	3,5	7,5	
17	T2400572	TRẦN THỊ THU	NGUYỆT	X	27/03/2006	8,5	6,5	3,0	7,5	
18	T2400578	LUU THANH	NHÂN		18/03/2006	8,5	7,0	2,5	7,5	
19	T2400611	LÂM QUANG	NHIỀU		31/05/2006	9,5	6,5	6,5	10,0	
20	T2400623	HUYỀNH THẢO	NHU	X	30/10/2006	9,0	6,5	4,0	8,0	
21	T2400628	NGUYỄN NGỌC TÂM	NHU	X	03/11/2006	7,5	7,0	5,0	8,5	
22	T2400637	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	NHU	X	17/07/2006	10,0	7,0	3,5	8,0	
23	T2400640	LÊ KHÁNH	NHỰT		15/01/2006	10,0	6,5	5,0	9,5	
24	T2400654	LÊ VĂN	PHI		17/08/2006	9,5	8,0	5,5	9,5	
25	T2400662	LÝ NGUYỄN	PHÚ		04/03/2006	9,5	7,0	4,5	7,5	
26	T2400684	TÔ HOÀI	PHƯƠNG		08/07/2006	8,5	6,5	3,0	7,5	
27	T2400693	ĐINH LÊ PHÚ	QUÍ		10/12/2006	9,5	6,5	4,0	9,0	
28	T2400710	BÙI QUAN	QUYẾN		27/09/2006	8,5	6,5	4,0	5,5	
29	T2400713	NGUYỄN NHƯ	QUỲNH	X	01/02/2006	8,5	7,5	5,5	8,5	
30	T2400827	NGUYỄN NGỌC	THẢO		18/04/2006	10,0	5,5	4,5	7,5	
31	T2400843	NGUYỄN NGỌC	THIỆN		11/09/2006	6,0	7,5	3,5	8,5	
32	T2400846	LÊ PHƯƠNG	THIỆU		11/05/2006	9,5	7,5	4,0	8,0	
33	T2400854	TRẦN VĂN	THỊNH		16/06/2006	9,5	7,0	7,5	7,0	
34	T2400882	HỒ LÊ MINH	THƯ	X	03/04/2006	9,5	8,5	7,5	9,5	
35	T2400906	TRẦN THỊ ANH	THƯ	X	15/05/2006	9,5	7,5	5,5	6,5	
36	T2400926	NGUYỄN BÍCH	TRÂM	X	12/02/2006	10,0	7,5	6,0	9,0	
37	T2400937	LÊ BÙI HUẾ	TRẦN	X	15/02/2006	9,5	8,0	5,5	8,5	
38	T2400940	LÊ THỊ QUYẾN	TRẦN	X	26/01/2006	7,5	9,5	5,0	8,0	
39	T2401009	NGUYỄN THANH	VINH		12/03/2006	10,0	6,5	4,5	9,5	
40	T2401019	CHAU CHANH ĐA RA	VÚTH		09/12/2006	9,5	8,0	4,5	9,5	



KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024
LỚP: DB2429A3

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400010	PHẠM HUỖNH THÚY	AN	X	28/08/2006	8,5	8,0	4,5	6,0	
2	T2400035	NGUYỄN TRẦN TRÚC	ANH	X	03/03/2006	8,0	7,0	9,5	8,0	
3	T2400050	VÕ BÙI ĐÌNH	BẢO		12/09/2006	8,5	6,5	9,0	8,0	
4	T2400058	NGUYỄN HỮU	BẰNG		31/05/2006	7,5	7,5	6,0	7,0	
5	T2400079	ĐỖ THỊ MỸ	CHI	X	15/08/2006	6,5	7,5	3,0	9,0	
6	T2400128	HUỖNH HỮU	ĐANG		18/06/2006	8,5	7,5	4,5	9,5	
7	T2400135	HUỖNH PHÁT	ĐẠT		15/09/2006	8,5	7,5	5,0	9,5	
8	T2400203	NGUYỄN NHẬT	HÀO		15/10/2006	8,5	5,5	5,5	6,5	
9	T2400209	NGUYỄN NHƯ	HẢO	X	12/03/2006	9,0	5,5	5,5	5,5	
10	T2400217	BẰNG THỊ NGỌC	HÂN	X	22/02/2006	9,5	7,0	5,5	9,0	
11	T2400230	NEÁNG	HẬU	X	07/07/2006	9,0	8,5	5,5	9,5	
12	T2400242	HUỖNH PHƯỚC	HIỆP		17/03/2006	8,5	6,0	6,0	9,5	
13	T2400277	TRẦN THỊ MỸ	HUYỀN	X	12/02/2006	10,0	8,5	8,5	9,5	
14	T2400284	NGUYỄN NHƯ	HUỖNH	X	02/09/2006	8,5	9,0	8,5	9,5	
15	T2400296	HUỖNH TRUNG	KIÊN		21/09/2006	9,0	7,5	2,5	8,5	
16	T2400314	CHANH SÓC	KHA	X	06/07/2006	9,5	9,0	5,5	8,5	
17	T2400321	TRƯƠNG MINH	KHÁ		16/03/2005	9,0	9,0	7,0	8,0	
18	T2400353	ĐẶNG MINH	KHÁNH		12/06/2006	9,0	8,0	5,5	7,5	
19	T2400374	NGUYỄN HOÀNG	KHÔI		25/01/2006	8,5	7,5	4,5	3,0	
20	T2400395	TRẦN HUỖNH	LÂM		26/01/2006	7,5	7,5	4,0	6,0	
21	T2400401	TRẦN THỊ BÍCH	LIÊN	X	10/11/2004	7,5	7,5	4,0	9,5	
22	T2400465	BÙI VĂN	MINH		17/03/2006	10,0	8,5	5,5	8,5	
23	T2400472	ĐẶNG THỊ KIỀU	MUỘI	X	25/07/2006	9,5	8,0	6,5	7,5	
24	T2400490	TRẦN KHOA	NAM		24/02/2006	9,5	8,0	8,5	7,5	
25	T2400509	MAI TUYẾT	NGÂN	X	06/11/2006	9,5	9,0	6,5	9,5	
26	T2400535	LÊ THỊ KIM	NGỌC	X	13/05/2006	9,5	8,0	8,5	9,5	
27	T2400538	NGUYỄN BẢO	NGỌC	X	05/06/2006	9,0	8,0	6,5	8,5	
28	T2400571	PHẠM THỊ MINH	NGUYỆT	X	08/03/2006	9,5	8,5	8,5	9,0	
29	T2400573	TRÌNH THỊ ÁNH	NGUYỆT	X	14/04/2006	10,0	7,5	5,5	9,0	
30	T2400657	LƯU THANH	PHONG		20/05/2006	9,5	7,5	6,5	9,5	
31	T2400687	NGUYỄN THỊ KIM	PHƯƠNG	X	06/11/2006	9,5	8,0	7,5	10,0	
32	T2400703	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	QUYÊN	X	05/05/2006	9,5	8,0	7,5	10,0	
33	T2400711	NGUYỄN THỊ NGỌC	QUYÊN	X	26/01/2006	8,5	9,5	6,5	9,5	
34	T2400718	HUỖNH THÀNH	SANG		09/10/2006	8,5	8,0	8,5	10,0	
35	T2400766	NGUYỄN ÁNH	TỎA	X	07/11/2006	10,0	7,5	6,5	9,5	
36	T2400835	HUỖNH THỊ KIM	THE	X	06/12/2006	10,0	7,5	6,0	7,0	
37	T2400852	PHẠM TRỊNH TRƯỜNG	THỊNH		06/02/2006	9,0	7,5	7,5	8,5	
38	T2400888	LÊ ANH	THƯ	X	01/11/2006	9,5	8,0	7,0	8,5	
39	T2401016	NGUYỄN HỒNG	VŨ		24/01/2006	9,5	7,5	7,5	8,5	
40	T2401032	NGUYỄN THỊ TRÚC	VY	X	19/03/2006	9,5	9,0	6,0	8,0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CẦN THƠ
Nguyễn Minh Trí

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024
LỚP: DB2429A4

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400020	LÊ DUY	ANH		23/01/2006	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
2	T2400057	NGUYỄN HUỖNH HỮU	BẰNG		20/08/2006	8,5	5,0	5,5	3,0	
3	T2400067	TRẦN HẠ	CƠ	X	17/12/2006	7,5	7,5	8,0	8,0	
4	T2400115	TRẦN KHÁNH	DUY		13/06/2006	7,0	6,0	7,5	8,0	
5	T2400120	LÊ THANH	DŨNG		12/12/2006	7,0	8,5	7,5	6,5	
6	T2400170	HUỖNH THỊ CẨM	ĐOAN	X	19/07/2006	9,5	8,5	6,5	9,0	
7	T2400171	LÊ THỊ KIM	ĐOAN	X	12/06/2006	10,0	6,5	7,0	8,0	
8	T2400206	TRẦN NHẬT	HÀO		02/04/2006	9,5	6,0	4,5	5,0	
9	T2400227	VƯƠNG THỊ GIA	HÂN	X	30/07/2006	8,0	6,0	4,0	5,0	
10	T2400236	NGUYỄN THỊ KIM	HIỀN	X	16/01/2006	9,5	7,5	3,5	6,0	
11	T2400279	BÙI MẠNH	HUỖNH		25/05/2006	9,5	7,5	4,0	7,0	
12	T2400313	THÂN THỊ MỸ	KIM	X	30/01/2006	8,5	6,5	4,5	9,0	
13	T2400340	NGUYỄN PHÚC	KHANG		27/10/2006	10,0	6,0	3,0	9,0	
14	T2400355	LÊ DUY	KHÁNH		20/07/2006	10,0	7,5	7,5	9,5	
15	T2400438	MAI VŨ	LUÂN		10/10/2006	9,5	7,5	7,0	9,5	
16	T2400459	NGUYỄN THỊ	MÃI	X	08/10/2006	10,0	6,5	4,5	7,5	
17	T2400467	LÊ HÀO	MINH		09/09/2006	8,5	8,0	6,5	7,5	
18	T2400513	NGUYỄN THỊ KIM	NGÂN	X	12/07/2006	7,5	8,5	5,5	9,0	
19	T2400529	LÊ CHÍ	NGOAN		27/10/2006	9,0	7,0	5,5	10,0	
20	T2400560	NGUYỄN THỊ THU	NGUYỄN	X	20/04/2005	9,5	8,5	6,5	8,0	
21	T2400562	PHAN ĐÔNG	NGUYỄN	X	10/03/2006	9,5	7,0	5,5	8,5	
22	T2400606	ĐÀO MINH	NHÍ		06/01/2006	9,5	7,5	4,5	8,5	
23	T2400629	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHU	X	16/04/2006	9,5	7,0	6,5	8,5	
24	T2400669	DANH NGUYỄN	PHÚC		21/02/2006	8,5	6,5	2,5	7,0	
25	T2400675	TRƯƠNG MINH	PHÚC		19/12/2006	9,5	7,5	2,5	7,0	
26	T2400700	BÙI NGỌC	QUÝ	X	17/04/2006	9,0	7,5	6,5	10,0	
27	T2400733	LÊ CHÍ	TÀI		19/04/2006	8,5	5,5	6,5	10,0	
28	T2400780	PHAN THỊ CẨM	TÚ	X	13/05/2006	8,5	7,0	7,0	6,5	
29	T2400785	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN		28/11/2006	9,0	7,0	4,0	7,0	
30	T2400797	TRẦN THỊ HỒNG	TUỔI	X	12/04/2006	9,5	8,0	4,5	9,5	
31	T2400802	NGUYỄN VĂN	THẠCH		28/01/2006	9,5	8,5	4,0	9,5	
32	T2400820	BÙI HIỂU	THẢO	X	15/06/2006	9,5	9,5	3,5	9,0	
33	T2400840	CAO QUỐC	THÍCH		10/09/2006	8,5	6,5	5,5	7,0	
34	T2400874	NGUYỄN THỊ MINH	THÙY	X	25/10/2006	7,5	8,0	3,5	5,5	
35	T2400894	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	X	20/09/2006	10,0	8,0	6,0	8,0	
36	T2400903	TRẦN KIM	THƯ	X	14/04/2006	6,5	7,0	6,5	7,0	
37	T2400942	LÝ HUỖNH	TRẦN	X	04/03/2006	9,5	8,0	5,5	7,5	
38	T2400973	TRẦN THỊ HỒNG	TRÚC	X	20/01/2006	9,0	8,5	5,5	9,0	
39	T2401023	LÊ NGUYỄN THẢO	VY	X	14/10/2006	8,5	7,0	3,5	6,5	
40	T2401042	NGUYỄN THỊ MỸ	XUYỀN	X	26/09/2006	8,5	7,0	3,5	5,5	



KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THĂNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A5

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400006	TRẦN TRUNG	ÁI		16/01/2006	10,0	7,5	6,5	9,5	
2	T2400025	NGUYỄN ĐỨC	ANH		08/06/2006	7,5	8,0	5,5	5,0	
3	T2400033	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	X	21/06/2006	9,5	8,5	8,5	9,0	
4	T2400040	PHAN THANH PHƯƠNG	ANH	X	13/04/2006	8,5	9,0	7,0	6,5	
5	T2400094	NGUYỄN THỊ	DIỆU	X	15/02/2006	8,5	7,5	6,0	10,0	
6	T2400095	TRẦN HOÀI	DOANH		10/11/2006	10,0	7,5	6,5	10,0	
7	T2400114	NGUYỄN THỊ THÚY	DUY	X	20/09/2006	9,5	7,5	7,0	9,0	
8	T2400129	TRẦN HỮU	ĐANG		18/02/2006	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
9	T2400145	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT		02/02/2006	9,0	7,5	5,5	6,5	
10	T2400153	LÂM PHƯƠNG	ĐĂNG		06/10/2006	8,5	6,5	5,5	7,5	
11	T2400157	PHAN HẢI	ĐĂNG		21/10/2006	9,5	8,0	7,0	7,0	
12	T2400180	TRẦN THẾ	EM		06/01/2006	9,5	5,5	6,5	7,5	
13	T2400195	HỒ CHÍ	HẢI		27/02/2006	9,5	7,0	5,5	4,0	
14	T2400232	NGUYỄN TRUNG	HẬU		05/06/2006	9,5	7,5	5,0	10,0	
15	T2400266	HUỖNH GIA	HUY		23/10/2006	9,0	7,0	6,0	8,0	
16	T2400293	TRẦN GIA	HUNG		19/06/2006	9,5	7,5	7,5	9,5	
17	T2400322	HÀ QUỐC	KHAI		06/10/2006	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
18	T2400402	PHAN THỊ THÚY	LIỄU	X	14/11/2006	7,5	7,0	7,0	9,5	
19	T2400422	CHÂU NGỌC YẾN	LOAN	X	13/06/2006	9,5	9,5	9,5	9,5	
20	T2400433	CHUNG BẢO	LUÂN		10/11/2006	9,5	8,0	9,5	10,0	
21	T2400475	VÕ THỊ NGỌC	MUỘI	X	19/05/2004	8,5	9,0	5,5	9,0	
22	T2400500	VÕ VĂN	NGÀ		01/01/2006	9,5	8,5	5,5	7,0	
23	T2400527	HUỖNH TRUNG	NGHĨA		30/10/2006	6,5	8,5	6,5	5,5	
24	T2400584	TRẦN HỒNG HẠT	NHÂN		14/04/2006	9,5	8,5	6,0	8,0	
25	T2400647	NGUYỄN KIM	PHA	X	03/10/2006	6,0	7,0	5,5	8,0	
26	T2400667	CAO NGỌC	PHÚC	X	03/08/2006	8,0	7,5	3,0	6,5	
27	T2400670	HUỖNH HỒ MINH	PHÚC		19/06/2006	8,5	4,5	5,0	9,5	
28	T2400705	NGUYỄN HỒNG	QUYÊN	X	15/06/2006	7,5	7,5	7,5	5,0	
29	T2400708	PHẠM MỸ	QUYÊN	X	03/04/2006	9,5	8,5	5,5	5,5	
30	T2400726	NGUYỄN THANH	SƠN		09/07/2006	9,0	7,5	6,5	9,5	
31	T2400739	TRẦN THÀNH	TÂM		28/06/2006	10,0	8,5	7,5	9,5	
32	T2400764	TRẦN LÊ HOÀNG	TÍNH		12/08/2005	10,0	7,0	5,0	9,5	
33	T2400836	NGUYỄN VIỆT	THI		02/08/2006	5,5	7,0	1,5	9,5	
34	T2400838	PHẠM THỊ	THI	X	22/08/2006	8,5	8,0	4,5	8,5	
35	T2400857	TRẦN KIM	THOA	X	08/10/2006	8,5	7,0	5,5	8,5	
36	T2400866	DƯƠNG MINH	THUẬN		01/01/2006	8,0	6,5	4,0	6,0	
37	T2400913	NGUYỄN NGỌC	THY	X	19/06/2006	9,5	7,0	3,5	7,0	
38	T2401044	VÕ THỊ BẢO	XUYẾN	X	07/11/2006	9,0	7,0	5,5	8,0	
39	T2401075	NGUYỄN CHÍ	VĨ		22/02/2006	6,0	7,0	3,0	7,0	



KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024
LỚP: DB2429A6

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400069	NGUYỄN THỊ KIM	CƯƠNG	X	19/04/2006	9,5	8,0	8,5	8,5	
2	T2400092	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	X	14/02/2006	9,0	7,5	8,5	8,5	
3	T2400098	TẠ QUỐC	DŨNG		11/10/2005	8,5	8,0	10,0	7,5	
4	T2400109	NGUYỄN HỮU	DUY		09/04/2006	8,5	7,0	10,0	8,5	
5	T2400124	TRIỆU HÙNG	DƯƠNG		04/09/2006	9,5	7,5	10,0	10,0	
6	T2400138	LẠI CÔNG	ĐẠT		07/07/2006	8,5	7,5	9,5	10,0	
7	T2400189	TRẦN THANH	GIÀU		07/04/2006	8,5	6,5	9,0	9,5	
8	T2400196	TRẦN THỊ MỸ	HẠNH	X	24/01/2006	8,5	8,0	9,5	9,5	
9	T2400223	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÂN	X	02/01/2006	9,5	7,5	6,5	8,5	
10	T2400287	NGUYỄN THỊ NHƯ	HUYỀN	X	07/09/2006	8,0	8,0	7,0	8,5	
11	T2400326	DƯ SỬ PHÚC	KHANG		22/04/2006	8,5	8,0	7,0	6,5	
12	T2400330	ĐỖ NHẬT	KHANG		28/08/2006	7,5	7,5	6,5	2,0	
13	T2400399	NGUYỄN NGỌC	LIÊM		11/11/2006	9,0	6,5	7,0	9,0	
14	T2400425	LÊ BẢO	LONG		14/06/2006	8,5	7,0	7,5	10,0	
15	T2400429	VÕ THÁI	LONG		11/04/2006	7,5	5,0	4,5	8,0	
16	T2400437	HỨA VỸ	LUÂN		08/09/2006	10,0	7,0	6,5	8,5	
17	T2400454	HUYỀN TUYẾT	MAI	X	12/05/2006	9,5	8,5	6,0	8,5	
18	T2400456	TRẦN KIM	MAI	X	09/01/2006	10,0	9,5	6,5	9,0	
19	T2400460	NGUYỄN NGỌC THIÊN	MẠNH		13/02/2006	8,5	7,0	4,5	8,5	
20	T2400498	NGUYỄN THANH	NGA	X	17/04/2006	8,5	8,0	5,5	9,5	
21	T2400539	NGUYỄN BÍCH	NGỌC	X	28/06/2006	9,5	8,0	6,0	9,5	
22	T2400541	NGUYỄN PHƯƠNG	NGỌC	X	23/06/2006	7,5	7,5	5,5	9,0	
23	T2400555	NGÔ THẢO	NGUYỄN	X	31/08/2006	6,5	7,5	6,0	7,5	
24	T2400568	KHUU GIA	NGUYỄN		26/08/2006	8,0	8,0	5,5	9,0	
25	T2400569	PHẠM TRỌNG	NGUYỄN		23/07/2006	9,5	8,0	6,5	9,5	
26	T2400639	LẠI MINH	NHẬT		13/01/2006	8,5	6,5	5,5	8,0	
27	T2400653	TRẦN MINH NHÂN	PHÁT		04/12/2006	9,0	7,5	5,5	9,5	
28	T2400725	NGUYỄN CHÍ	SƠN		10/09/2006	10,0	7,5	6,5	8,5	
29	T2400742	TRƯƠNG MINH	TẤN		06/10/2006	9,5	8,0	5,0	9,0	
30	T2400750	ĐÀO HUỲNH VIỆT	TIẾN		09/10/2006	10,0	8,0	5,5	9,0	
31	T2400796	VIÊN THỊ NGỌC	TUYẾT	X	03/05/2006	10,0	8,5	6,5	10,0	
32	T2400828	NGUYỄN THANH	THẢO	X	17/08/2006	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
33	T2400829	PHẠM THỊ	THẢO	X	18/09/2006	9,5	8,5	7,0	8,5	
34	T2400842	NGUYỄN CHÍ	THIỆN		29/03/2006	8,0	7,5	5,0	8,5	
35	T2400853	TRẦN TRƯỜNG	THỊNH		13/02/2005	8,5	7,5	5,5	8,0	
36	T2400869	NGUYỄN VĂN	THUẬN		30/01/2006	10,0	7,5	6,5	8,5	
37	T2400972	THÁI THANH	TRÚC	X	07/10/2006	5,5	8,5	3,0	9,0	
38	T2401050	NGUYỄN NHƯ	Ý	X	23/01/2006	9,0	8,0	7,5	9,5	
39	T2401054	PHẠM DIỆU	Ý	X	29/11/2006	9,5	8,0	7,5	9,5	



KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A7

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400039	PHẠM TRẦN HẢI	ANH		21/08/2006	4,5	5,5	6,5	5,5	
2	T2400048	NGUYỄN GIA BẢO	BẢO		03/10/2006	9,5	5,5	7,0	9,0	
3	T2400064	PHAN MINH	BỬU		25/03/2006	9,5	7,5	7,5	9,0	
4	T2400075	VÕ THỊ BÍCH	CHÂN	X	26/11/2006	10,0	7,0	8,0	9,0	
5	T2400084	PHẠM THÀNH	CHIÊU		15/04/2006	8,5	7,0	8,5	8,0	
6	T2400091	NGUYỄN THÚY	DIỄM	X	07/04/2006	8,0	8,0	8,0	8,5	
7	T2400173	LÊ THÀNH	ĐOÀN		05/04/2006	4,5	5,0	7,5	9,0	
8	T2400193	PHẠM THỊ KIM	HÀ	X	21/02/2006	9,5	7,5	8,0	8,5	
9	T2400199	LÊ NHẬT	HÀO		07/12/2006	9,5	6,5	4,5	9,5	
10	T2400211	TRẦN VĂN	HÀO		20/01/2006	10,0	9,0	5,5	10,0	
11	T2400215	TRẦN GIA	HẠO		25/08/2006	9,5	7,0	5,5	8,0	
12	T2400237	ĐỊNH THỊ THU	HIỂN	X	30/03/2006	9,5	7,5	5,5	4,0	
13	T2400269	TRẦN KHÁNH	HUY		24/12/2005	9,5	6,0	6,0	9,5	
14	T2400285	NGUYỄN THỊ MỸ	HUYỀNH	X	27/04/2006	9,5	8,0	6,0	9,0	
15	T2400334	LÊ HOÀNG	KHANG		05/11/2006	9,5	5,5	6,5	9,0	
16	T2400380	CHAU THỊ THA	LA	X	04/12/2006	9,5	7,0	4,5	8,5	
17	T2400381	PHA	LA	X	17/07/2006	9,5	8,0	6,0	8,0	
18	T2400471	ĐOÀN HỒNG	MƠ	X	01/07/2006	9,5	8,5	6,0	9,0	
19	T2400479	PHẠM THỊ BÉ	MY	X	10/07/2006	10,0	9,0	6,5	9,5	
20	T2400528	NGUYỄN VĂN	NGHĨA		20/04/2006	10,0	8,0	5,0	10,0	
21	T2400548	TRỊNH THỊ MỸ	NGỌC	X	06/05/2006	9,5	8,0	6,5	9,0	
22	T2400590	PHAN THẾ	NHẬT		25/07/2006	10,0	5,0	4,0	10,0	
23	T2400591	TRƯƠNG THANH	NHẬT		10/11/2006	10,0	5,5	1,0	9,5	
24	T2400634	PHẠM THỊ HUỲNH	NHU	X	21/09/2006	9,5	6,0	6,0	6,0	
25	T2400674	TRẦN HỮU	PHÚC		19/05/2006	10,0	6,0	5,5	5,5	
26	T2400676	TRẦN NHƯ	PHỤNG	X	01/05/2006	8,5	7,5	5,5	8,0	
27	T2400685	TRẦN THỊ CHÚC	PHƯƠNG	X	01/08/2006	7,5	8,0	3,0	7,5	
28	T2400692	NGUYỄN GIA	QUI		11/02/2006	9,5	7,5	5,5	9,0	
29	T2400720	PHẠM QUANG	SANG		27/03/2006	8,5	7,0	6,0	8,0	
30	T2400724	DANH THANH	SAO		22/09/2006	9,5	6,0	6,5	10,0	
31	T2400740	LÂM HOÀNG	TÂN		28/05/2006	9,0	6,5	6,0	10,0	
32	T2400769	NGUYỄN SONG	TOÀN		26/09/2006	7,5	4,5	6,5	10,0	
33	T2400795	ĐỊNH THỊ MỸ	TUYẾT	X	14/05/2006	9,5	7,5	5,0	10,0	
34	T2400848	HUỲNH PHÚC	THỊNH		21/08/2006	7,5	6,0	5,5	7,5	
35	T2400867	HUỲNH THÁI	THUẬN		01/07/2006	8,5	7,0	6,0	7,5	
36	T2400875	HỒ THỊ THU	THÚY	X	25/09/2006	8,0	6,5	7,5	8,5	
37	T2400898	TRẦN ANH	THU	X	24/07/2006	8,5	7,0	7,0	9,5	
38	T2400927	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	X	30/03/2006	9,0	6,5	7,0	8,0	
39	T2400948	PHẠM HUỲNH	TRÂN	X	26/04/2006	10,0	8,5	7,0	9,0	
40	T2401074	NGUYỄN TRỌNG	THẾ		14/09/2006	8,0	4,5	2,5	7,5	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CẦN THƠ
* Nguyễn Minh Trí

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THẲNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A8

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400012	TRƯƠNG THỊ DÂN	AN	X	15/11/2005	8,5	8,0	5,5	7,0	
2	T2400016	HUỖNH BẢO	ANH	X	30/09/2006	9,0	6,5	4,5	6,0	
3	T2400034	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	X	15/07/2006	9,5	8,5	5,0	7,5	
4	T2400037	PHẠM LAN	ANH	X	26/12/2005	9,0	7,5	4,5	7,5	
5	T2400041	PHAN VÂN	ANH	X	25/04/2006	9,0	7,0	4,0	5,0	
6	T2400137	HUỖNH VÂN	ĐẠT		25/05/2006	7,5	6,5	1,5	5,0	
7	T2400146	PHẠM HÀ VŨNG	ĐẠT		18/06/2006	9,5	7,5	4,5	8,0	
8	T2400245	LÊ CHÍ	HIẾU		08/07/2005	2,0	3,5	1,5	3,5	
9	T2400248	TÔ CẨM	HIẾU	X	13/05/2006	8,0	7,0	2,5	5,5	
10	T2400260	NGUYỄN GIA	HUỆ	X	29/12/2006	8,5	7,5	6,5	5,0	
11	T2400271	VÕ QUỐC	HUY		14/10/2006	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
12	T2400302	NGUYỄN QUỐC	KIỆT		20/07/2006	9,5	8,0	5,5	8,0	
13	T2400312	NGUYỄN THỊ THIÊN	KIM	X	10/04/2006	8,5	7,0	6,5	8,0	
14	T2400363	NGUYỄN TIỂU	KHIÊM		19/11/2005	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
15	T2400405	DƯƠNG CHÍ	LINH		18/09/2006	7,5	6,0	3,0	9,0	
16	T2400428	TRANG LÊ HUỖNH	LONG		04/12/2006	7,5	5,5	6,5	8,5	
17	T2400466	HỒNG TRUNG	MINH		27/04/2006	8,0	6,5	6,5	7,5	
18	T2400563	RÔ TRÍ	NGUYỄN		28/02/2006	7,5	6,5	3,5	5,0	
19	T2400690	NGUYỄN HỒNG	QUÂN		16/02/2006	7,0	5,0	6,5	6,5	
20	T2400730	CAO BÃ	TÀI		24/01/2006	8,5	5,5	8,5	4,5	
21	T2400736	DƯƠNG HUỖNH THANH	TÂM	X	07/03/2006	8,0	5,0	7,5	6,0	
22	T2400752	PHAN DIỆP	TIẾN		11/07/2006	9,5	6,0	6,5	8,5	
23	T2400807	TRẦN QUỐC	THÁI		26/07/2005	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
24	T2400813	NGUYỄN PHƯƠNG	THANH	X	06/03/2006	7,5	8,5	6,5	8,5	
25	T2400850	NGUYỄN TRƯỜNG	THỊNH		30/12/2005	5,5	5,5	7,5	4,0	
26	T2400900	TRẦN ANH	THU	X	20/10/2006	10,0	10,0	8,0	10,0	
27	T2400955	DIỆP MINH	TRÍ		24/04/2006	7,0	5,0	6,5	6,5	
28	T2400961	LÊ PHƯỚC	TRIỆU		04/09/2006	10,0	8,5	6,5	8,5	
29	T2400983	LÊ TUYẾT	UYÊN	X	22/01/2006	7,5	8,0	5,5	3,0	
30	T2400988	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	X	26/04/2006	9,5	7,5	4,5	8,5	
31	T2401026	LƯU NGUYỄN TƯỜNG	VY	X	19/08/2006	7,5	7,5	4,5	6,0	
32	T2401055	PHẠM KHẢ	Ý	X	15/11/2006	8,5	7,0	4,0	4,5	
33	T2401069	TRẦN THỊ THẢO	NGUYỄN	X	01/07/2006	Vắng	Vắng	Vắng	Vắng	
34	T2401072	NGUYỄN NGỌC BẢO	CHÂU	X	06/10/2006	9,5	8,0	6,0	7,0	
35	T2401073	NGUYỄN QUANG	LINH		19/08/2006	9,5	7,5	5,0	8,0	
36	T2401078	TRẦN THỊ THANH	NGÀ	X	01/11/2006	8,5	8,5	6,5	7,0	
37	T2401086	ĐẶNG VŨ THẢO	NGỌC	X	06/11/2006	9,5	7,5	7,0	5,0	



Nguyễn Minh Trí

KẾT QUẢ ĐIỂM THI HỌC KỲ 2, NĂM HỌC 2024-2025
CÁC LỚP XÉT TUYỂN THĂNG NĂM 2024

LỚP: DB2429A9

Trang: 1

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NỮ	NGÀY SINH	ĐIỂM THI				GHI CHÚ
						TOÁN	VĂN	ANH	TIN HỌC	
1	T2400023	LƯU MINH	ANH	X	10/05/2006	8,0	7,0	7,0	10,0	
2	T2400059	VÕ NGUYỄN	BẰNG		21/01/2006	8,5	6,5	6,0	10,0	
3	T2400461	CHAU LY SOM	MÃTH		05/05/2006	9,5	7,5	5,5	9,0	
4	T2400485	PHẠM THỊ	MỸ	X	31/05/2006	10,0	7,0	5,5	8,0	
5	T2400488	LÊ	NAM		17/11/2006	9,0	7,0	4,5	9,5	
6	T2400520	HUỖNH THÀNH	NGHI	X	11/08/2006	9,5	8,0	4,5	9,0	
7	T2400583	TÙ THỊ PHƯƠNG	NHÂN	X	06/02/2006	9,5	8,0	3,5	6,5	
8	T2400635	TRẦN THỊ	NHU	X	02/09/2006	8,5	8,0	3,0	5,5	
9	T2400756	DƯƠNG PHÚ	TÌNH		11/11/2006	8,5	6,5	6,5	8,5	
10	T2400897	THÁI VỢ MINH	THƯ	X	28/09/2006	8,5	7,5	7,5	4,5	
11	T2400915	HỒ THÙY	TRANG	X	02/12/2006	9,0	7,0	4,5	6,0	
12	T2400923	LÊ NGỌC KHÁNH	TRÂM	X	08/12/2006	9,5	7,5	6,0	6,0	
13	T2400930	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRÂM	X	05/12/2006	9,0	8,0	6,5	8,0	
14	T2400936	LÊ BẢO	TRẦN	X	02/08/2006	10,0	8,0	5,5	10,0	
15	T2400965	VÕ KHÁNH	TRÌNH		15/01/2006	8,5	7,0	6,0	8,5	
16	T2400979	NGUYỄN MINH	TRƯỜNG		25/06/2006	10,0	7,0	6,0	9,5	
17	T2400981	TRẦN QUỐC	TRƯỜNG		16/05/2004	6,0	6,0	6,5	5,5	
18	T2400996	NGUYỄN PHAN THẢO	VI	X	12/07/2006	10,0	8,0	8,0	9,0	
19	T2401000	HUỖNH CHÍ	VĨ		02/10/2006	9,0	6,0	6,5	9,5	
20	T2401004	NGUYỄN QUỐC	VIỆT		01/10/2006	3,0	4,5	5,0	8,0	
21	T2401005	ĐỖ TRẦN QUANG	VINH		08/02/2006	8,5	7,0	6,5	10,0	
22	T2401028	NGUYỄN NGỌC THÚY	VY	X	01/06/2006	10,0	8,5	5,5	10,0	
23	T2401033	NGUYỄN THÚY	VY	X	01/09/2006	8,5	6,0	6,0	4,5	
24	T2401038	PHAN THANH	XUÂN	X	18/04/2006	9,5	9,5	6,5	8,0	
25	T2401043	TRẦN THỊ BẢO	XUYẾN	X	24/12/2006	10,0	7,5	3,5	5,5	
26	T2401047	ĐINH THỊ NHƯ	Ý	X	29/09/2006	9,5	7,5	3,5	5,0	
27	T2401057	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	X	08/03/2006	10,0	8,5	7,5	8,5	
28	T2401067	NGUYỄN NGỌC	YẾN	X	02/10/2006	9,0	8,0	7,0	8,0	
29	T2401070	LÊ THỊ TRÚC	MY	X	11/07/2006	9,5	8,5	4,5	9,0	
30	T2401071	NGUYỄN THỊ MỸ	QUYÊN	X	18/09/2006	10,0	8,0	6,5	7,0	
31	T2401077	NGUYỄN TRỌNG	BẰNG		06/05/2005	10,0	5,5	5,0	4,5	
32	T2401079	HUỖNH TẤN	BỮU		25/03/2006	9,5	8,0	4,5	7,0	
33	T2401080	HUỖNH THỊ ANH	THƯ	X	21/01/2006	9,5	9,0	4,5	9,0	
34	T2401084	NGUYỄN HOÀNG HIỂU	LINH	X	25/03/2006	8,0	9,0	5,5	8,5	
35	T2401085	PHẠM NGUYỄN TRUNG	THÀNH		03/01/2006	10,0	6,5	4,5	8,5	
36	T2401087	TRẦN THỊ	NGỌC	X	11/06/2006	8,5	7,5	4,5	7,5	
37	T2401088	CHAU SÓC	NAM		19/04/2006	9,0	7,0	5,5	9,5	
38	T2401089	NGUYỄN TẤN	LỘC		13/04/2006	8,5	5,5	7,5	5,0	

HĐTC BỔ SUNG KIẾN THỨC

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
CẦN THƠ

Nguyễn Minh Trí